

Thái nguyên, ngày 13 tháng 04 năm 2018

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018

Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2018 như sau:

1. Thời gian thi tuyển: - Đợt 1: Ngày 21- 22/4/2018.
- Đợt 2: Ngày 22 - 23/9/2018.

2. Thời gian đào tạo: 1,5 năm - 02 năm.

3. Môn thi tuyển sinh

Stt	Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Môn thi	
		Cơ bản	Chủ chốt
1	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế học	Kinh tế nông nghiệp
2	Quản lý kinh tế		Quản trị học
3	Quản trị kinh doanh		

+ Môn tiếng anh : Thi viết, nội dung tương đương cấp độ B
(Một số trường hợp được miễn thi môn tiếng anh theo phụ lục 1 đính kèm).

4. Đối tượng dự tuyển

- 4.1. Về văn bằng

- Dự thi ngành Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh: Tốt nghiệp đại học ngành đúng/phù hợp, ngành gần, ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự thi.

- Dự thi ngành Kinh tế nông nghiệp: Tốt nghiệp đại học ngành đúng/phù hợp, ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi.

- Người tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

- Văn bằng ĐH do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và KĐCLGD công nhận.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học từ xa được phép dự thi với điều kiện chỉ được đăng ký dự thi vào ngành đúng /phù hợp và ngành gần với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

- 4.2. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn

- Trường hợp có bằng tốt nghiệp ĐH ngành đúng, phù hợp và ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được thi ngay sau khi tốt nghiệp Đại học.

- Đối với ngành Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh thí sinh đăng ký dự thi có bằng tốt nghiệp ĐH ngành khác thì phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh từ ngày ký hợp đồng làm việc đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

5. Danh mục các ngành đúng/phù hợp, ngành gần, ngành khác và các môn học BSKT

- (Theo phụ lục 2 đính kèm)

6. Kinh phí học BSKT (năm 2017-2018): 217.600đ/tín chỉ.

7. Lệ phí hồ sơ tuyển sinh, lệ phí dự thi (năm 2017-2018): 580.000đ/thí sinh.

Để biết thêm thông tin chi tiết xin liên hệ:

- Phòng Đào tạo – Trường ĐH Kinh tế & QTKD – ĐHTN. Điện thoại: 0208.3547.653 –
Website: saudaihoc.tueba.edu.vn; daotao.tueba.edu.vn.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC KINH TẾ
VÀ QUẢN TRỊ
KINH DOANH
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Đinh Hồng Linh

PHỤ LỤC 1:

CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN THI MÔN TIẾNG ANH

1. Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục- Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng;
2. Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam được bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;
3. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức;
4. Có chứng chỉ tiếng anh, hoặc chứng chỉ một trong các ngôn ngữ: Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức bậc 3/6 trở lên hoặc tương đương (*xem phụ lục II, Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT*) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi Đại học Thái Nguyên hoặc cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép và công nhận.

VC
RU
JHQ
AQ
KH
HO

(T) (A) (C) (O) (N) (G) (J) (A) (N) (H) (H) (O) (A) (N) (H) (T) (H)

PHỤ LỤC 02

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÚNG/ PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN, NGÀNH KHÁC VỚI NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ DANH MỤC VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

TT	Ngành/chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học					Ghi chú
		Ngành đúng/phù hợp	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	Ngành gần	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	Ngành khác	
1	Chuyên ngành: Quản lý kinh tế, mã số: 8340410 (Thuộc lĩnh vực Quản trị - Quản lý)	Tốt nghiệp đại học chuyên ngành: Quản lý kinh tế	Không BSKT	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị - Quản lý (Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý và Quản trị văn phòng) - Kinhdoanh - Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm - Kế toán – Kiểm toán - Các ngành thuộc khối ngành kinh tế học có chương trình đào tạo ĐH khác biệt không quá 40% so với chương trình của trường ĐH KT&QTKD- ĐH Thái Nguyên. 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Quản lý kinh tế (3TC) 2. Quản lý Nhà nước về kinh tế (2TC) 3. Chính sách kinh tế xã hội (2TC) 1. Quản lý kinh tế (3TC) 2. Quản lý Nhà nước về kinh tế (2TC) 3. Chính sách kinh tế xã hội (2TC) 4. Quản lý tài chính công (2TC) 5. Kinh tế nguồn nhân lực 1 (2TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên - Nghệ thuật - Nhân văn - Khoa học xã hội và Hành vi - Báo chí và Thông tin - Pháp luật - Khoa học sự sống - Khoa học tự nhiên - Toán và thống kê - Máy tính và Công nghệ thông tin - Công nghệ kỹ thuật - Kỹ thuật - Sản xuất và chế biến - Kiến trúc và xây dựng - Nông, lâm nghiệp và thủy sản - Thú y - Sức khỏe - Dịch vụ vận tải - Môi trường và Bảo vệ môi trường - An ninh, Quốc phòng 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Quản lý kinh tế (3TC) 2. Quản lý Nhà nước về kinh tế (2TC) 3. Chính sách kinh tế xã hội (2TC) 4. Quản lý tài chính công (2TC) 5. Kinh tế nguồn nhân lực 1 (2TC) 6. Kinh tế vi mô 1 (3TC) 7. Kinh tế vĩ mô 1 (3TC) 8. Luật kinh tế (3TC) 9. Quản trị học (2TC) 10. Nguyên lý thống kê (3TC)

(K) (E) (R) (H) (S)

TT	Ngành/chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học						Ghi chú
		Ngành đúng/phù hợp	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	Ngành gần	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	Ngành khác	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	
2	Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, mã số: 8340101 (Thuộc lĩnh vực Kinh doanh)	Tốt nghiệp đại học chuyên ngành: Quản trị kinh doanh	Không BSKT	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh - Quản trị, quản lý - Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm - Kế toán – Kiểm toán - Các ngành thuộc khối ngành kinh tế học có chương trình đào tạo ĐH khác biệt không quá 40% so với chương trình của trường ĐH KT&QTKD- ĐH Thái Nguyên. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị chiến lược (3TC) 2. Quản trị kinh doanh tổng hợp (3TC) 3. Phân tích hoạt động kinh doanh (3TC) 1. Quản trị chiến lược (3TC) 2. Quản trị kinh doanh tổng hợp (3TC) 3. Phân tích hoạt động kinh doanh (3TC) 4. Quản trị nhân lực (3TC) 5. Quản trị sản xuất 1 (3TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên - Nghệ thuật - Nhân văn - Khoa học xã hội và Hành vi - Báo chí và Thông tin - Pháp luật - Khoa học sự sống - Khoa học tự nhiên - Toán và thống kê - Máy tính và Công nghệ thông tin - Công nghệ kỹ thuật - Kỹ thuật - Sản xuất và chế biến - Kiến trúc và xây dựng - Nông, lâm nghiệp và thủy sản - Thú y - Sức khỏe - Dịch vụ vận tải - Môi trường và Bảo vệ môi trường - An ninh, Quốc phòng 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị chiến lược (3TC) 2. Quản trị kinh doanh tổng hợp (3TC) 3. Phân tích hoạt động kinh doanh (3TC) 4. Quản trị nhân lực (3TC) 5. Quản trị sản xuất 1 (3TC) 6. Quản trị tài chính (3TC) 7. Quản trị dự án (3TC) 	

TT	Ngành/chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học					Ghi chú	
		Ngành đúng/phù hợp	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	Ngành gần	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	Ngành khác		Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)
3	Chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp, mã số: 8620115 (Thuộc lĩnh vực Nông nghiệp)	Tốt nghiệp đại học chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp	Không BSKT	<ul style="list-style-type: none"> - Kinhdoanh - Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm - Kế toán – Kiểm toán - Quản trị, quản lý - Các ngành thuộc nhóm ngành kinh tế học, nông nghiệp có chương trình đào tạo ĐH khác biệt không quá 40% so với chương trình của trường ĐH KT&QTKD- ĐH Thái Nguyên. 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Nguyên lý kinh tế nông nghiệp (2TC) 2. Phát triển nông thôn (2TC) 3. Phân tích chính sách nông nghiệp (2TC) 			
				<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành gần thuộc khối ngành nông nghiệp (Khuyến nông, Nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Nông học, Trồng trọt, Di truyền và chọn giống cây trồng, Bảo vệ thực vật, Đất và dinh dưỡng cây trồng, Quy hoạch và sử dụng đất nông nghiệp, Tưới tiêu cho cây trồng, Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước, Chăn nuôi động vật, Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi, Di truyền và chọn giống vật nuôi 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Kinh tế học vi mô 1 (3TC) 2. Kinh tế học vĩ mô 1 (3TC) 3. Nguyên lý thống kê (3TC) 4. Kinh tế môi trường (2TC) 5. Kinh tế phát triển (2TC) 6. Nguyên lý kinh tế nông nghiệp (2TC) 7. Phát triển nông thôn (2TC) 8. Phân tích chính sách nông nghiệp (2TC) 			